

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1926 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 26 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy sản xuất, gia công bàn, ghế, giường, tủ từ gỗ công suất 220.000
sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Nội thất Tinh Tuyền làm Chủ đầu tư
tại KCN Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
(thuê nhà xưởng của Công ty TNHH SX-TM-DV Mai Thành)

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ
quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi
trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án: “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm từ
gỗ” họp ngày 21/5/2021 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà
máy sản xuất, gia công bàn, ghế, giường, tủ từ gỗ công suất 220.000 sản
phẩm/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 127/TT-CV ngày
13/7/2021 của Công ty TNHH Nội thất Tinh Tuyền;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số
46/TTr-BQL ngày 21/7/2021.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất, gia công bàn, ghế, giường, tủ từ gỗ công suất 220.000 sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Nội thất Tinh Tuyền (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm Chủ đầu tư tại KCN Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH SX-TM-DV Mai Thành) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Nội thất Tinh Tuyền và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Tân Thành;
- Trung tâm Khai thác hạ tầng KCN;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-55-QĐPD-23/7).



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG BÀN, GHẾ, GIƯỜNG, TỦ TỪ GỖ
CÔNG SUẤT 220.000 SẢN PHẨM/NĂM” DO CÔNG TY TNHH NỘI THẤT
TINH TUYỀN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI KCN ĐỒNG XOÀI I,
XÃ TÂN THÀNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(THUÊ NHÀ XƯỞNG CỦA CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MAI THÀNH)
(Kèm theo Quyết định số 1926.../QĐ-UBND ngày 26../7/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất, gia công bàn, ghế, giường, tủ từ gỗ công suất 220.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: KCN Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nội thất Tinh Tuyền.

Địa chỉ liên hệ: KCN Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy sản xuất, gia công bàn, ghế, giường, tủ từ gỗ công suất 220.000 sản phẩm/năm” được thực hiện trên diện tích 27.685 m² tại KCN Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH SX-TM-DV Mai Thành) bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà để xe.

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý nước thải, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại.

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình sản xuất bàn, ghế, giường, tủ các loại như sau: Gỗ nguyên liệu → Cưa xẻ theo kích thước → Chà nhám lần 1 → Gia công chi tiết (cưa, bào, khoan, tạo ngàm) → Chà nhám lần 2 → Sơn → Sấy → Xả nhám sau sơn → Phôi ngũ kim → Thành phẩm → Đóng gói.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai lắp đặt máy móc, thiết bị: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, tập kết máy móc, thiết bị; khí thải từ quá trình hàn, xì, cắt kim loại; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị; chất thải nguy hại.

- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy và tập kết, lưu giữ hàng hóa; bụi, khí thải

phát sinh từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải từ quá trình hấp thụ bụi sơn; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 1,4 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, nitơ (N), photpho (P), dầu mỡ động thực vật, coliform...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, nitơ (N), photpho (P), dầu mỡ động thực vật, coliform...

- *Nước thải từ quá trình hấp thụ bụi sơn:* Phát sinh khoảng 11,61 m³/2 tuần, thành phần: Độ màu, COD, BOD₅ (20⁰C), TSS, tổng N, tổng P, hóa chất có trong thành phần của sơn và các chất ô nhiễm khác.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, sử dụng trong quá trình thi công lắp đặt máy móc, thiết bị:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, SO₂, VOC.

- *Khí thải từ quá trình hàn, cắt, xì kim loại:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và khói hàn.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy và tập kết, lưu giữ hàng hóa:* Thành phần khí thải gồm bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất:* Chủ yếu phát sinh từ quá trình cưa, cắt, chà nhám, đánh bóng; quá trình sơn; quá trình lắp ráp sản phẩm... Thành phần chủ yếu chứa bụi, n-butanol, xylen, formaldehyde, toluen, butyl acetate, ethylene glycol, vinyl acetate, etylbenzen...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu gồm túi nylon, bìa carton, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu:* Phát sinh khoảng 1.600 kg cho tổng quá trình thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị, thành phần chủ yếu là sắt thép, pallet thải, thùng carton hỏng...

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng phát sinh khoảng 482 kg/tháng gồm bao bì, giấy vụn các loại... và 14.124 kg/tháng gỗ vụn, phôi bào,

mùn cưa, bụi gỗ (trường hợp kết quả phân định gỗ vụn, mùn cưa, phôi bào, bụi gỗ là chất thải rắn thông thường).

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 339 kg/ngày gồm bao bì, túi nylon, giấy vụn, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 14 kg trong suốt quá trình thi công, lắp đặt máy móc thiết bị, thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 24.715 kg/tháng gồm giẻ lau dính hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải, bao bì mềm thải, than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải, nước tuần hoàn xử lý bụi sơn thải; gỗ vụn, mùn cưa thải dính chất thải nguy hại... và khoảng 14.124 kg/tháng gỗ vụn, mùn cưa, phôi bào, bụi gỗ (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Bố trí cho công nhân lắp đặt máy móc, thiết bị sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu đã được Công ty TNHH SX-TM-DV Mai Thành xây dựng.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, công suất 15 m³/ngày với quy trình xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình hấp thụ bụi sơn*: Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ bụi sơn được thu gom vào các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Trong thời gian đầu, thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I đi vào hoạt động, thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Đồng Xoài I (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I (Dự án

không thay đổi công nghệ xử lý nước thải). Nước thải từ quá trình hấp thụ bụi sơn phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển và quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị:* Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn, cắt, xì kim loại:* Lên kế hoạch thi công hợp lý; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển và tập kết, lưu giữ, bốc dỡ hàng hóa:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ và đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường; hạn chế công tác nhập nguyên liệu và xuất hàng trong các giờ cao điểm và tan ca của công nhân viên, bố trí bãi đậu xe hợp lý; trang bị khẩu trang cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa, bào, khoan, tạo ngàm...:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi → Chụp hút và hệ thống đường ống → Cyclone → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ khâu tinh chế:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi với quy trình xử lý như sau: Bụi → Họng hút bụi → Quạt hút → Túi vải di động.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình sơn, sấy:*

+ *Đối với buồng sơn màng nước:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi với quy trình xử lý như sau: Bụi, khí thải → Buồng sơn màng nước → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát.

+ *Đối với buồng sơn khô tự động – sấy đèn UV:* Lắp đặt hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi với quy trình xử lý như sau: Bụi, khí thải → Buồng sơn khô (có tấm lọc) → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi keo từ quá trình lắp ráp sản phẩm:*
Lắp đặt hệ thống xử lý hơi keo với quy trình xử lý như sau: Hơi keo → Chụp hút chứa tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải, $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 120 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, sau đó lưu giữ tạm thời vào kho chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu, diện tích 09 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường và lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu với diện tích 09 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 15 - 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, sau đó lưu giữ vào kho chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 09 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 09 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích 09 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 09 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hệ thống quạt thông gió; bố trí dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất đảm bảo độ thông thoáng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ:* Định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên, nhiên liệu; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Công nhân trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn lao động; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành; định kỳ thay than hoạt tính; trang bị các thiết bị dự phòng khi gặp sự cố; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải...



- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất*: Bố trí khu vực lưu chứa hóa chất theo đúng quy định; các hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất đều được dán tem, nhãn để công nhân lưu ý khi sử dụng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 05 ngăn: 03 bể tự hoại, có tổng dung tích là 56,7 m³.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 15 m³/ngày.
- Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 09 m².
- Kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 09 m².
- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, bào, khoan, tạo ngàm... (số lượng: 05 hệ thống; công suất thiết kế 12.000 m³/giờ/hệ thống).
- Hệ thống xử lý bụi từ khâu tinh chế (số lượng: 02 hệ thống; công suất thiết kế 3.000 m³/giờ/hệ thống).
- Hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi đối với buồng sơn màng nước (số lượng: 09 hệ thống; công suất thiết kế 5.000 m³/giờ/hệ thống).
- Công trình, hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi đối với buồng phun sơn tự động – sấy đèn UV (số lượng: 02 hệ thống; công suất thiết kế 8.000 m³/giờ/hệ thống).
- Công trình, hệ thống xử lý hơi keo (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 1.800 m³/giờ).
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

5.1.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hồ ga sau bể tự hoại 05 ngăn.
- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, TSS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.
- *Tần suất giám sát*: 01 lần trong quá trình thi công.
- *Quy chuẩn so sánh*: Theo quy định của KCN Đồng Xoài I.

5.1.2. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Vị trí giám sát*: 03 vị trí (nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3).
- *Thông số giám sát*: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂.
- *Tần suất giám sát*: 01 lần trong quá trình thi công.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí và thông số giám sát:*
 - + 01 vị trí tại xưởng 1 (khu vực cưa, bào, chà nhám...): Nhiệt độ, tiếng ồn, tốc độ gió, ánh sáng, bụi tổng.
 - + 01 vị trí tại xưởng 2 (khu vực sơn): Nhiệt độ, tiếng ồn, tốc độ gió, ánh sáng, bụi tổng, n-butanol; xylen; formaldehyde; toluen; butyl acetate; ethylene glycol.
 - + 01 vị trí tại xưởng 3 (khu vực quét keo lắp ráp sản phẩm): Nhiệt độ, độ ồn, tốc độ gió, ánh sáng, bụi tổng, vinyl acetate.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức chiếu sáng cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 05 vị trí tại 05 ống thoát sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, bào, khoan, tạo ngàm...: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý khí thải hơi keo: Lưu lượng, VOC.

+ 11 vị trí tại 11 ống thoát sau hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi: Lưu lượng, bụi sơn, xylen, formaldehyde, toluen, n-butyl acetate, etylbenzen.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải, $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, amoni, tổng N, tổng P, tổng coliforms, clo dư, dầu mỡ tổng.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột A- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại xưởng 1 (khu vực cưa, bào, chà nhám...): Nhiệt độ, tiếng ồn, tốc độ gió, ánh sáng, bụi tổng.

+ 01 vị trí tại xưởng 2 (khu vực sơn): Nhiệt độ, tiếng ồn, tốc độ gió, ánh sáng, bụi tổng, n-butanol; xylen; formaldehyde; toluen; butyl acetate; ethylene glycol.

+ 01 vị trí tại xưởng 3 (khu vực quét keo lắp ráp sản phẩm): Nhiệt độ, độ ồn, tốc độ gió, ánh sáng, bụi tổng, vinyl acetate.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức chiếu sáng cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí và thông số giám sát*:

+ 05 vị trí tại 05 ống thoát sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, bào, khoan, tạo ngàm...: Lưu lượng, bụi.

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý khí thải hơi keo: Lưu lượng, VOC.

+ 11 vị trí tại 11 ống thoát sau hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi: Lưu lượng, bụi sơn, xylen, formaldehyde, toluen, n-butyl acetate, etylbenzen.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p theo lưu lượng của nguồn thải, $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, amoni, tổng N, tổng P, tổng coliforms, clo dư, dầu mỡ tổng.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I đi vào hoạt động: So sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, hóa đơn, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.